

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2021
V/v tranh chấp về
hôn nhân và gia đình – Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Trần Văn Truyện.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 01/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Nguyễn Thị Y, sinh năm 1986, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, Đ.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn E, sinh năm 1980, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Chị Nguyễn Thị Y trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Y và anh E kết hôn năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh E hay ghen tuông và đánh đập chị Y. Vào Tết âm lịch năm 2021, Công an xã H đã lập biên bản về hành vi bạo lực của anh E đối với chị Y. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn E.

- *Về quan hệ nuôi con:* Chị Y và anh E có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 29/7/2006; Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2008; Nguyễn Minh O, sinh ngày 16/5/2017, hiện con chung Nguyễn Minh O đang sống chung với chị Y. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh O, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Anh Nguyễn Văn E trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh E thống nhất với lời trình bày của chị Y về thời gian kết hôn, quá trình phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nay, chị Y yêu cầu được ly hôn thì anh E không đồng ý ly hôn với chị Y.

- *Về quan hệ nuôi con:* Thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 29/7/2006; Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2008; Nguyễn Minh O, sinh ngày 16/5/2017, hiện con chung Nguyễn Thị L, Nguyễn Minh N đang sống chung với anh E. Khi ly hôn, anh E yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị L, Nguyễn Minh N, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

Tại phiên tòa, anh E vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Y và anh E tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị Y nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh E.

Anh E cũng thống nhất với lời trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân và việc phát sinh nhiều bất đồng quan điểm sống nhưng anh E không đồng ý ly hôn với chị Y.

Xét thấy, do chị Y và anh E chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh E là không hợp pháp. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử tuyên

bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn E.

[1.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 29/7/2006; Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2008; Nguyễn Minh O, sinh ngày 16/5/2017.

Chị Y và anh E thống nhất thỏa thuận, chị Y được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh O, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con, anh E được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Minh N, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại phiên tòa chị Y và anh E thống nhất về việc người trực tiếp nuôi con, không có tranh chấp và phù hợp với ý kiến của cháu L và Minh N nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[1.3] Về tài sản chung: Chị Y, anh E thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về nợ chung: Chị Y và anh E thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y với anh Nguyễn Văn E.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh O. Anh Nguyễn Văn E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Minh N. Chị Y, anh E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Y và anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011352 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Y đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng